

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH THẠNH  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27-5-2025  
“V/v: Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Mai Đào

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Khánh
2. Ông Ngô Tấn Huy

**- Thư ký phiên tòa:** Chị Nguyễn Lê Nhật Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Ông Bạch Nam Chu Lai – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm: 1994, địa chỉ: K, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định – Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm: 1993, địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Bình Định – Vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 16/9/2024 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Trần Văn T có hôn nhân tự nguyện, chúng tôi có đăng ký kết hôn vào ngày 12/8/2014 tại UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh Bình Định.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau tại thị trấn V,

đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do kinh tế không ổn định, anh T không sẻ chia, hỗ trợ tôi về chi phí sinh hoạt và nuôi con. Anh Trọng thường hay ra ngoài không quan tâm gì đến vợ con. Tôi được biết anh T có tình cảm với người phụ nữ khác, chính anh T cũng thừa nhận điều này. Từ đó anh T thay đổi tính nết, anh Trọng vũ P, bạo lực, nhiều lần đánh tôi, hăm dọa giết tôi. Phía nhà chồng có biết nhưng không khuyên giải gì. Vào khoảng tháng 4/2019, anh T thậm chí còn dùng xăng đốt nhà, gia đình phải báo Công an thị trấn V đến giải quyết. Sau hôm đó, anh T bỏ đi, tôi có xin phép cha mẹ chồng cho tôi dẫn theo đứa con nhỏ lúc đó mới 03 tháng tuổi về nhà mẹ đẻ ở huyện T nhưng không được nhà chồng chấp thuận, nên tôi đã một mình về lại nhà mẹ đẻ, sau khoảng 01 tuần thì tôi quyết định vào thành phố Hồ Chí Minh làm việc, với mong muốn kiếm tiền gửi về nuôi con.

Từ khi rời khỏi nhà chồng đến nay, tôi không liên lạc với anh T, vì anh T có tìm tôi để đánh đập, hăm dọa, nên tôi rất sợ; Khoảng giữa năm 2024, tôi có nộp đơn yêu cầu ly hôn anh T nhưng thời điểm đó anh T đang chấp hành án phạt tù, nên tôi rút đơn. Đến khoảng giữa tháng 9/2024 tôi được biết anh T đã ra tù nên tôi nộp đơn trở lại. Sau khi ra tù, anh T nhiều lần đến nhà họ hàng và những người quen của tôi ở huyện T để tìm tôi nhằm đánh tôi vì anh T cho rằng tôi cũng có quan hệ bất chính với người đàn ông khác.

Tôi nhận thấy giữa tôi và anh T không thể tiếp tục đời sống chung, tình cảm vợ chồng không còn, nên nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn chồng tôi là anh Trần Văn T.

- Về con chung: Tôi và anh Trần Văn T có 02 con chung là các cháu: Trần Nguyễn Thị Hồng T1 (sinh ngày: 11/11/2015) và Trần Nguyễn Quốc K (sinh ngày: 15/01/2019). Từ khi được sinh ra cho đến nay thì các cháu sống trực tiếp ở phía nội. Tôi có nguyện vọng được nuôi cháu K, yêu cầu giao cháu T1 cho cha nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con; Nhưng nếu Tòa án không chấp nhận yêu cầu của tôi thì tôi vẫn đồng ý giao cả 02 con chung cho anh T nuôi, tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi các con theo quy định.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Trần Văn T2 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ hay ý kiến gì.*

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Về ý kiến giải quyết vụ án, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị D, chị D được ly hôn với bị đơn Trần Văn T.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Thị Hồng T1 và cháu Trần Nguyễn Quốc K cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D phải cấp dưỡng nuôi con 1.725.000 đồng/cháu/tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xét.

- Về án phí sơ thẩm: Đương sự chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, qua thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Chị Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” với anh Trần Văn T; Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2]. Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay, những người tham gia tố tụng đều vắng mặt (Nguyên đơn chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn anh T vắng mặt không có lý do); Áp dụng: khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị D và anh T tự nguyện tìm hiểu, chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/8/2014 tại UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh Bình Định, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung ban đầu hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, xuất phát từ nhiều lý do: kinh tế không ổn định, cả hai không biết xem trọng tình nghĩa vợ chồng, xảy ra bạo lực gia đình. Gia đình phía anh T có biết nhưng cũng không thật sự có thiện chí để khuyên giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng chị D và anh T.

Từ khoảng tháng 4/2019, chị D và anh T không còn chung sống với nhau, theo thông tin từ phía gia đình anh T cung cấp thì họ cũng xác nhận vợ chồng chị D và anh T có mâu thuẫn, chính anh T cũng đồng ý ly hôn, chỉ là anh T đang đi làm xa, không thể có mặt để giải quyết ly hôn tại Tòa án.

Tòa án đã liên hệ, thông báo, triệu tập, hòa giải để các bên đương sự có điều kiện đoàn tụ với nhau, nhưng bất thành. Như vậy, có cơ sở chứng minh hôn nhân của chị D và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D

[2.2]. Về con chung: Xét tình trạng cuộc sống thực tế 02 con chung của chị D và anh T được phía anh T trực tiếp nuôi từ nhỏ đến nay, các cháu đều được nuôi dưỡng, chăm sóc, học tập, phát triển bình thường. Riêng cháu T1 cũng có nguyện vọng được sống với cha và ông bà nội; Còn chị D hiện tại đang sinh sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh, chị D cũng đang nuôi 01

người con riêng khác của mình, bản thân chị D cũng có ý kiến không phản đối nếu Tòa án giao 02 con chung cho anh Trọng nuôi, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi các con. Như vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử xét giao 02 con chung của chị D và anh T, là các cháu: Trần Nguyễn Thị Hồng T1 (sinh ngày: 11/11/2015) và Trần Nguyễn Quốc K (sinh ngày: 15/01/2019) cho anh T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng;

Xét, do các bên không thỏa thuận được nghĩa vụ cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình “...Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”, buộc chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng là 3.450.000 đồng, cụ thể là: 1.725.000 đồng/cháu/tháng, hình thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2025 đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi. Đồng thời đảm bảo theo luật định về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ sau khi ly hôn đối với con chung, là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH**

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,*

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D đối với bị đơn anh Trần Văn T, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Trần Văn T.
- Về con chung: Giao 02 con chung của chị Nguyễn Thị D và anh Trần Văn T, là các cháu: Trần Nguyễn Thị Hồng T1 (sinh ngày: 11/11/2015) và Trần

Nguyễn Quốc K (sinh ngày: 15/01/2019) cho anh Trần Văn T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng;

Buộc chị Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các cháu T1, K hàng tháng là 3.450.000 đồng (Ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) cụ thể là 1.725.000 đồng/cháu/tháng, hình thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2025 đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị D không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (án phí cấp dưỡng) sung quỹ Nhà nước. Tổng cộng số tiền án phí chị D phải chịu là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005046 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định. Chị D còn phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- CCTHADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;  
(UBND TT Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh,  
tỉnh Bình Định; ĐKKH: 12/8/2014)
- P. TT, KT và THA - TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ  
THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

**Đinh Thị Mai Đào**